

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2020/DS -ST**

Ngày: 31-8-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

2. Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 31/8/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2020/TLST- DS ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-DS ngày 07/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1967. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn TĐ, xã YP, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm: 1970. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn TĐ, xã YP, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2020, bản tự khai ngày 09/6/2020 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị H trình bày:

Bà và bà Lê Thị N là chị em làng xóm thân tình. Ngày 12/6/2018, bà N đề xuất bà thế chấp sổ lương tại Ngân hàng Kiều vay số tiền 150.000.000đ để cho bà N vay lại. Bà đã vay Ngân hàng số tiền 150.000.000đ, với lãi suất 11,5%/năm. Khi bà lấy tiền về, bà cho bà Nguyễn Thị Hương, người cùng thôn vay số tiền 20.000.000đ. Còn 130.000.000đ, bà cho bà N vay. Khi bà N vay tiền, có bà

Hương có mặt làm chứng. Bà N đã viết giấy vay tiền ngày 12/6/2018, đưa cho bà. Khi vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, thời hạn vay là 01 năm. Sau khi vay tiền, bà N trả lãi hàng tháng cho bà theo đúng thỏa thuận đến hết ngày 12/6/2019.

Sau khi đến hạn trả nợ, bà yêu cầu bà N trả nợ, bà N đồng ý trả. Nhưng sau đó không hiểu vì lý do gì bà N tìm cớ sinh sự, không chịu trả tiền cho bà. Bà nhiều lần đến đòi nợ, thì vợ chồng bà N đã chửi bới, lăng mạ, xúc phạm bà. Sau đó, bà viết giấy đề nghị Công an xã Yên Phong can thiệp lấy nợ nhưng bà N không đến Công an làm việc. Bà N cứ lấy cớ phải gọi người làm chứng là bà Nguyễn Thị Hương về làm chứng việc trả nợ thì bà N mới trả nợ cho bà. Nhưng khi Công an huyện gọi bà Hương về thì bà N lại lật lọng không có tiền nên chưa trả. Bà N còn viết đơn tố cáo bà lên Trường THPT Yên Định 2 nơi bà công tác và Sở giáo dục để làm tổn hại danh dự, nhân phẩm nhà giáo của bà.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị N phải trả nợ cho bà, cụ thể:

- Số tiền nợ gốc: 130.000.000đ;

- Nợ lãi tính từ ngày 12/6/2019 đến 12/6/2020 là:

$130.000.000đ \times 1\%/tháng \times 12 \text{ tháng} = 15.600.000đ.$

Tổng cả gốc và lãi là 145.600.000đ (*Một trăm bốn lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

Đề nghị bà N, phải tiếp tục trả lãi cho bà theo lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 13/6/2020 cho đến khi trả hết toàn bộ số nợ.

Tại bản tự khai ngày 30/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Lê Thị N trình bày:

Bà thừa nhận ngày 12/6/2018, bà có vay của bà Lê Thị H số tiền 130.000.000đ, lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 01 năm. Khi vay, bà có viết giấy vay tiền đưa cho bà H, có mặt bà Nguyễn Thị Hương là người làm chứng.

Sau khi vay tiền, hàng tháng bà trả tiền lãi đầy đủ cho bà H từ khi vay đến hết ngày 12/6/2019. Khi đến hạn trả nợ, bà có nói với bà H, gọi người làm chứng là bà Hương về có đầy đủ 03 người bà sẽ trả toàn bộ nợ gốc 130.000.000đ cho bà H. Nhưng bà H không gọi người làm chứng về, không thực hiện đúng hình thức như bà H nói, nên bà chưa trả nợ gốc.

Bà thừa nhận hiện nay, bà còn nợ bà H số tiền nợ gốc là 130.000.000đ. Khi nào bà H gọi người làm chứng về, bà sẽ trả hết tiền nợ gốc cho bà H.

Bà H yêu cầu bà phải tiếp tục trả lãi từ ngày 13/6/2019, bà không chấp nhận trả lãi, vì lý do bà không khát nợ, bà yêu cầu bà H thực hiện như thỏa thuận là gọi bà Hương về làm chứng, nhưng bà H không thực hiện.

Tại biên bản hòa giải ngày 30/6/2020, các đương sự thống nhất trình bày:

Bà Lê Thị H cho bà Lê Thị N vay số tiền 130.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 12/6/2018, lãi suất hai bên thỏa thuận theo 1%/tháng, thời hạn vay là 01 năm. Bà N đã trả cho bà H tiền lãi từ ngày 12/6/2018 đến ngày 12/6/2019. Bà N chưa trả cho bà H tiền nợ gốc và lãi từ ngày 13/6/2019 đến nay.

Tại phiên tòa: Bà N vắng mặt. Bà H yêu cầu bà N phải trả số tiền nợ gốc: 130.000.000đ, nợ lãi tính từ ngày 13/6/2019 đến 31/8/2020 là 18.980.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 148.980.000đ (*Một trăm bốn mươi tám triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng*). Đề nghị bà N, phải tiếp tục trả lãi cho bà H theo lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 01/9/2020 cho đến khi trả hết toàn bộ số nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về thời hiệu khởi kiện: Việc khởi kiện của bà Lê Thị H đang trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.3 Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa bà Lê Thị N vắng mặt không có lý do. HĐXX xét thấy: Quá trình tố tụng Tòa án đã mở phiên tòa lần thứ nhất ngày 18/8/2020, bà N vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa. Ngày 31/8/2020, Tòa án mở phiên tòa lần thứ hai, đến giờ xét xử bà N vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung:

2.1. Về số tiền nợ gốc:

Ngày 12/6/2018, bà H cho bà N vay 130.000.000đ (có giấy vay tiền). Bà N đã trả cho bà H tiền lãi hàng tháng từ ngày 12/6/2018 đến ngày 12/6/2019. Bà N chưa trả cho bà H tiền nợ gốc và tiền lãi từ ngày 13/6/2019 đến nay.

HĐXX xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N thừa nhận ngày 12/6/2018, bà vay của bà H số tiền 130.000.000đ. Bà N đã trả cho bà H tiền lãi từ ngày 12/6/2018 đến ngày 12/6/2019, chưa trả tiền nợ gốc và lãi từ ngày 13/6/2019 đến nay. Như vậy, sự việc vay tiền, trả tiền lãi là có thật, có chứng cứ rõ ràng cụ thể, được các bên thừa nhận nên không phải chứng minh.

Căn cứ vào các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H, buộc bà N phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc là 130.000.000đ cho bà H.

2.2. *Về lãi suất và số tiền nợ lãi:* Trong Giấy vay tiền ngày 12/6/2018, hai bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng. Mức lãi suất này là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên được chấp nhận. Bà H và bà N thống nhất bà N đã trả tiền lãi từ ngày 12/6/2018 đến ngày 12/6/2019, chưa trả tiền lãi từ ngày 13/6/2019 đến nay. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà H về việc yêu cầu bà N trả tiền lãi từ ngày 13/6/2019, theo mức lãi suất đã thỏa thuận là 1%/tháng.

Số tiền lãi tính từ ngày 13/6/2019 đến ngày mở phiên tòa (31/8/2020) là:

$130.000.000đ \times 1\%/tháng \times 14 tháng 18 ngày = 18.980.000đ.$

Tổng cả gốc và lãi là 148.980.000đ (*Một trăm bốn mươi tám triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng*).

2.3. *Về án phí:* Yêu cầu của bà H được chấp nhận, nên không phải chịu tiền án phí. Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

Buộc bà Lê Thị N phải trả cho bà Lê Thị H số tiền còn nợ theo Giấy vay tiền ngày 12/6/2018. Cụ thể: Tiền nợ gốc là: 130.000.000đ và tiền lãi là 18.980.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 148.980.000đ (*Một trăm bốn mươi tám triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận.

Về án phí: Bà Lê Thị N phải chịu 7.449.000đ (*Bảy triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Lê Thị H số tạm ứng án phí 3.600.000đ (*Ba triệu, sáu trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2015/0003627 ngày 19/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

Về quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho nguyên đơn trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng